

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô A, đường số 22, Khu công nghiệp Sóng Thần II, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2011

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1,167,492,260,185	1,569,769,462,971
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	24,511,680,352	8,792,394,139
1. Tiền	111		24,511,680,352	8,792,394,139
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		3,808,256,322	2,000,000,000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		3,808,256,322	2,000,000,000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		84,480,686,220	61,644,316,400
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	75,515,827,083	55,160,088,538
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	1,491,139,776	3,100,048,242
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.4	11,783,278,319	7,256,462,840
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.5	(4,309,558,958)	(3,872,283,220)
IV. Hàng tồn kho	140		1,015,469,376,217	1,449,180,959,238
1. Hàng tồn kho	141	V.6	1,015,469,376,217	1,449,180,959,238
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		39,222,261,074	48,151,793,194
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	125,415,908	110,449,999
2. Thuê giá trị gia tăng được khấu trừ	152		15,616,653,614	24,514,982,360
3. Thuê và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.8	23,480,191,552	23,526,360,835

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô A, đường số 22, Khu công nghiệp Sóng Thần II, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		478,545,492,882	391,746,978,431
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		292,687,535,638	259,819,419,550
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.19	61,323,184,474	62,615,253,867
<i>Nguyên giá</i>	222		96,356,104,404	88,960,424,242
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(35,032,919,930)	(26,345,170,375)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.10	-	4,261,943,532
<i>Nguyên giá</i>	225		-	5,455,287,708
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	(1,193,344,176)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	62,774,344,906	63,046,667,105
<i>Nguyên giá</i>	228		64,361,546,808	64,361,546,808
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1,587,201,902)	(1,314,879,703)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.12	168,590,006,258	129,895,555,046
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		185,857,957,244	131,363,058,881
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.13	186,965,140,749	129,235,748,881
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.14	61,257,795	2,127,310,000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(1,168,441,300)	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		-	564,500,000
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.15	-	564,500,000
VI. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1,646,037,753,067	1,961,516,441,402

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô A, đường số 22, Khu công nghiệp Sóng Thần II, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		853,581,311,462	1,166,972,664,757
I. Nợ ngắn hạn	310		842,327,054,162	1,155,854,554,457
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.16	559,686,813,261	1,021,451,537,924
2. Phải trả người bán	312	V.17	212,171,605,815	87,839,601,637
3. Người mua trả tiền trước	313	V.18	10,788,373,999	11,016,641,530
4. Thuê và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.19	25,653,334,516	21,495,932,410
5. Phải trả người lao động	315	V.20	1,135,861,575	1,015,607,724
6. Chi phí phải trả	316	V.21	103,730,045	3,423,658,215
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.22	27,795,467,145	8,677,015,464
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.23	4,991,867,806	934,559,553
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		11,254,257,300	11,118,110,300
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.24	10,927,958,200	10,786,237,200
5. Thuê thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		326,299,100	331,873,100
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		792,456,441,605	794,543,776,645
I. Vốn chủ sở hữu	410		792,456,441,605	794,543,776,645
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.25	501,360,900,000	484,974,700,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.25	160,852,283,540	151,238,500,000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414	V.25	(58,638,685,584)	(130,000,000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		17,239,269,021	7,858,510,594
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		2,066,269,837	1,903,869,837
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		169,576,404,791	148,698,196,214
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
C - LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1,646,037,753,067	1,961,516,441,402

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô A, đường số 22, Khu công nghiệp Sóng Thần II, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm		Số đầu năm	
1. Tài sản thuê ngoài			-		-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			-		-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			-		-
4. Nợ khó đòi đã xử lý			-		-
5. Ngoại tệ các loại: Dollar Mỹ (USD)			-		-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			-		-

Bình Dương, ngày 24 tháng 10 năm 2011



Vũ Thị Vui
Người lập



Vũ Thành Nam
Kê toán trưởng



Nguyễn Thanh Nghĩa
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô A, đường số 22, Khu công nghiệp Sóng Thần II, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Quý 3 năm 2011

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 3		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VL.1	364,230,932,328	447,682,983,518	1,593,182,596,165	1,349,185,210,236
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VL.1	351,937,794	853,222,513	1,745,671,922	1,013,245,269
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VL.1	363,878,994,534	446,829,761,005	1,591,436,924,243	1,348,171,964,967
4. Giá vốn hàng bán	11	VL.2	313,838,068,007	371,282,341,363	1,277,748,277,255	1,119,243,634,755
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		50,040,926,527	75,547,419,642	313,688,646,988	228,928,330,212
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VL.3	110,485,167	708,681,909	7,690,997,009	137,056,933,403
7. Chi phí tài chính	22	VL.4	11,872,104,887	29,045,551,606	92,616,544,780	89,303,424,791
Trong đó: chi phí lãi vay	23		11,532,418,243	29,012,820,624	55,261,993,160	60,510,481,309
8. Chi phí bán hàng	24	VL.5	1,697,025,641	1,812,923,043	12,313,072,836	11,541,862,229
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VL.6	5,221,828,826	6,534,460,463	18,214,826,859	18,519,284,913
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		31,360,452,340	38,863,166,439	198,235,199,521	246,620,691,682
11. Thu nhập khác	31	VL.7	1,053,339,339	25,005,839	1,075,282,982	262,073,910
12. Chi phí khác	32	VL.8	67,348,852	17,076,778	431,988,033	24,931,060
13. Lợi nhuận khác	40		985,990,487	7,929,061	643,294,949	237,142,850
14. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		-	-	-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		32,346,442,827	38,871,095,500	198,878,494,470	246,857,834,532
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.19	2,723,704,225	3,060,425,973	17,670,779,438	10,368,097,831

17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	-	-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	29,622,738,602	35,810,669,527	181,207,715,032
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61	-	-	-
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62	29,622,738,602	35,810,669,527	181,207,715,032
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	-	236,489,736,701



Vũ Thị Vui
Người lập



Vũ Thành Nam
Kế toán trưởng



Nguyễn Thanh Nghĩa
Tổng Giám Đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô A, đường số 22, Khu công nghiệp Sóng Thần II, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý III Năm 2011

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		198,878,494,470	246,857,834,532
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.9; V.10; V.1	13,852,796,823	7,217,937,077
- Các khoản dự phòng	03	V.6	1,605,717,037	(414,120,064)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.3; VI.4	4,014,121,371	(6,673,377,638)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	(2,152,200,411)	(127,875,889,946)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	55,261,993,160	51,510,481,309
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		271,460,922,450	170,622,865,270
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(14,375,316,812)	(150,895,474,053)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		433,711,583,021	(254,474,003,796)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		140,022,514,009	(161,791,762,558)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(14,965,909)	830,768,618
- Tiền lãi vay đã trả	13	V.21; VI.4	(52,216,679,390)	(47,957,631,786)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.19	(11,324,173,792)	(15,666,880,510)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	V.8; V.23	494,766,841,387	1,095,315,565,936
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	V.8; V.23	(499,202,819,837)	(1,104,688,598,072)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		491,366,982,677	(468,705,150,951)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.9; V.12	(24,287,488,179)	(8,104,466,522)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	V.13	(57,729,391,868)	(43,337,300,000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26	V.14	2,066,052,205	
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được	27	VI.3	2,152,200,411	127,890,245,071
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(77,798,627,431)	76,448,478,549

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô A, đường số 22, Khu công nghiệp Sóng Thần II, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

Lấy kể từ đầu năm đến cuối quý này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31			100,000,000,000
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		(58,508,685,584)	
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.16; V.24	879,330,663,156	1,456,715,968,250
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.16; V.24	(1,344,687,260,688)	(1,152,988,750,541)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	V.16;	(850,399,999)	(1,378,266,667)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(145,000,284,000)	(17,327,500,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(669,715,967,115)	385,021,451,042
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		15,313,310,581	(7,235,221,360)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	8,792,394,139	12,130,678,572
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi	61		405,975,632	(229,218,000)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	24,511,680,352	4,666,239,212

Bình Dương, ngày 24 tháng 10 năm 2011


Vũ Thị Vui
 Người lập


Vũ Thành Nam
 Kế toán trưởng


Nguyễn Thanh Nghĩa
 Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: lô A, đường 22, khu công nghiệp Sóng Thần II, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý II năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý 3 năm 2011

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất, thương mại.
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Sản xuất thép lá mạ kẽm (tôn kẽm), mạ hợp kim nhôm kẽm (tôn lạnh), thép lá mạ màu; Mua bán sắt thép các loại; Sản xuất tôn lợp, cán xà gỗ; Sản xuất thép cán nóng, thép cán nguội, thép ống, dập cán sóng tôn, cán xà gỗ thép; Xây dựng dân dụng, công nghiệp; Sản xuất thép xây dựng, thép hình.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính tổng hợp được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: lô A, đường 22, khu công nghiệp Sóng Thần II, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý II năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, để đang chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	14-20
Máy móc và thiết bị	05-10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05-10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03-05

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: lô A, đường 22, khu công nghiệp Sóng Thần II, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý II năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

6. Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là tiền thuê đất Công ty trả một lần cho nhiều năm và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất này được khấu hao theo thời hạn thuê đất.

7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

8. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

9. Chi phí trả trước dài hạn

Tiền thuê mặt bằng trả trước thể hiện khoản tiền thuê đã trả cho phần mặt bằng Công ty đang sử dụng. Tiền thuê mặt bằng được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê.

10. Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác được ghi nhận theo hóa đơn chứng từ.

11. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

12. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là 3% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí trong kỳ. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trợ cấp cho người lao động thôi việc, mất việc trong kỳ thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

13. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: lô A, đường 22, khu công nghiệp Sóng Thần II, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý II năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

14. Cổ phiếu quỹ

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu.

15. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trong kỳ cổ tức được công bố.

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

17. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

18. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: lô A, đường 22, khu công nghiệp Sóng Thần II, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý II năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	411.038.151	552.608.004
Tiền gửi ngân hàng	24.100.642.201	8.239.786.135
Cộng	24.511.680.352	8.792.394.139

2. Phải thu khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu khách hàng của Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc	71.481.619.804	50.857.979.005
Phải thu khách hàng của Chi nhánh Bà Rịa	384.535.701	236.777.231
Phải thu khách hàng của Chi nhánh Long Mỹ	1.290.694.355	1.465.008.218
Phải thu khách hàng của Chi nhánh Vị Thanh	1.582.700.956	1.813.407.209
Phải thu khách hàng của Chi nhánh Đà Nẵng	776.276.267	786.916.875
Cộng	75.515.827.083	55.160.088.538

3. Trả trước cho người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước nguyên vật liệu	892.980.377	2.419.699.598
Trả trước các dịch vụ khác	598.159.399	680.348.644
Cộng	1.491.139.776	3.100.048.242

4. Các khoản phải thu khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền cho công nhân viên vay	633.107.250	652.232.250
Thuế nhập khẩu được hoàn	7.993.796.740	5.345.913.607
Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc - tạm mượn	1.891.377.901	
Phải thu khác	1.264.996.428	1.258.316.983
Cộng	11.783.278.319	7.256.462.840

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: lô A, đường 22, khu công nghiệp Sóng Thần II, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý II năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn dưới 1 năm		1.131.929.078
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm		1.611.294.956
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm đến dưới 3 năm	1.874.591.096	
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn trên 3 năm	2.434.967.862	1.129.059.186
Cộng	4.309.558.958	3.872.283.220

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

Số đầu năm	3.872.283.220
Số trích lập bổ sung	437.275.738
Số cuối năm	4.309.558.958

6. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	214.993.508.988	422.836.046.369
Công cụ, dụng cụ	5.132.075.252	5.695.233.953
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang		2.077.501.031
Thành phẩm	323.292.226.724	267.195.861.475
Hàng hóa	472.051.565.253	751.376.316.410
Cộng	1.015.469.376.217	1.449.180.959.238

7. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ, dụng cụ	7.490.909	-
Chi phí sửa chữa đàn mạ kẽm	117.924.999	110.449.999
Cộng	125.415.908	110.449.999

8. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	1.316.504.976	954.275.158
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	22.055.773.483	22.464.172.584
Tài sản thiếu chờ xử lý	107.913.093	107.913.093
Cộng	23.480.191.552	23.526.360.835

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá					
Số đầu năm	16.931.484.163	50.340.102.368	20.541.689.390	1.147.148.321	88.960.424.242
Mua sắm mới		842.000.000	833.822.455	213.399.999	1.889.222.454
Mua lại TSCĐ			5.506.457.708		5.506.457.708

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: lô A, đường 22, khu công nghiệp Sóng Thần II, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý II năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

thuê tài chính					
Giảm trong năm					
Số cuối năm	<u>16.931.484.163</u>	<u>51.182.102.368</u>	<u>26.881.969.553</u>	<u>1.360.548.320</u>	<u>96.356.104.404</u>
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	229.775.509	-	573.383.395	803.158.904
Giá trị hao mòn					
số đầu năm	5.027.874.859	16.124.949.971	4.577.483.934	614.861.611	26.345.170.375
số khấu hao trong năm	902.744.102	4.039.201.980	2.138.418.704	121.040.525	7.201.405.311
số khấu hao lũy kế của TSCĐ thuê tài chính			1.486.344.244		1.486.344.244
Số cuối năm	<u>5.930.618.961</u>	<u>20.164.151.951</u>	<u>8.202.246.882</u>	<u>735.902.136</u>	<u>35.032.919.930</u>
Giá trị còn lại					
số đầu năm	11.903.609.304	34.215.152.397	15.964.205.456	532.286.710	62.615.253.867
Số cuối năm	<u>11.000.865.202</u>	<u>31.017.950.417</u>	<u>18.679.722.671</u>	<u>624.646.184</u>	<u>61.323.184.474</u>

10. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	5.455.287.708	1.193.344.176	4.261.943.532
Tăng trong năm		293.000.068	
Mua lại TSCĐ thuê tài chính	(5.455.287.708)	(1.486.344.244)	
Số cuối năm	<u>0</u>	<u>0</u>	<u>0</u>

11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	64.361.546.808	1.314.879.703	63.046.667.105
Mua trong năm		272.322.199	
Số cuối năm	<u>64.361.546.808</u>	<u>1.587.201.902</u>	<u>62.774.344.906</u>

Chi tiết các quyền sử dụng đất:

- Quyền sử dụng 6.327 m² đất tọa lạc tại lô A, đường số 22, khu công nghiệp Sóng Thần 2, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương theo hợp đồng thuê đất số 098/HĐTLĐ/ST2, ngày 10 tháng 8 năm 2001.
 - Bên cho thuê : Công ty Cổ phần Đại Nam.
 - Thời hạn thuê : 41 năm 6 tháng, bắt đầu từ ngày 11 tháng 7 năm 2004 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2045.

Quyền sử dụng đất này đã được thế chấp để đảm bảo các khoản vay tại Ngân hàng Công Thương Việt Nam, chi nhánh khu công nghiệp Bình Dương.

- Quyền sử dụng 105.285 m² đất tọa lạc tại lô CN8, khu công nghiệp Sóng Thần 3, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương theo hợp đồng thuê đất số 34/HĐTĐ/ST3, ngày 07 tháng 02 năm 2007. Quyền sử dụng đất này tạm thời chưa đưa vào sử dụng.
 - Bên cho thuê : Công ty Cổ phần Đại Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: lô A, đường 22, khu công nghiệp Sóng Thần II, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý II năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- Thời hạn thuê : 40 năm 6,5 tháng, bắt đầu từ ngày 07 tháng 02 năm 2007 đến ngày 21 tháng 12 năm 2055.

Quyền sử dụng đất này đã được thế chấp để đảm bảo khoản vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Khu công nghiệp Bình Dương.

- Lô đất 5.000 m² tọa lạc tại ấp Chiêu Liêu, xã Tân Đông Hiệp, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương đã được thế chấp để đảm bảo các khoản vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Giảm khác	Số cuối năm
Mua sắm TSCĐ	44.093.234.364	17.261.381.583	369.573.566	60.985.042.381
XDCB dở dang	85.802.320.682	21.718.964.890		107.521.285.572
Sửa chữa lớn TSCĐ		83.678.305		83.678.305
Cộng	129.895.555.046	39.064.024.778	369.573.566	168.590.006.258

13. Đầu tư vào Công ty con

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH một thành viên tôn Đại Thiên Lộc (a)	9.194.000.000	382.000.000
Công ty TNHH một thành viên thép Đại Thiên Lộc (b)	177.771.140.749	128.853.748.881
Cộng	186.965.140.749	129.235.748.881

- (a) Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 3701295519 ngày 22 tháng 12 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH một thành viên tôn Đại Thiên Lộc 15.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc quý, Công ty đã đầu tư 9.194.000.000 VND, tương đương 61,29% vốn điều lệ (số đầu năm là 382.000.000 VND, tương đương 2,55% vốn điều lệ).
- (b) Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 3701295237 ngày 22 tháng 12 năm 2008 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH một thành viên thép Đại Thiên Lộc 300.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Ngoài ra, Công ty cũng đã làm thủ tục đăng ký kinh doanh thành lập Công ty TNHH một thành viên Cơ khí và Xây dựng Đại Thiên Lộc thông qua biên bản họp Hội đồng quản trị ngày 05 tháng 12 năm 2008. Tuy nhiên, việc góp vốn thành lập Công ty con trên chưa thực hiện.

14. Đầu tư dài hạn khác

Khoản đầu tư cổ phiếu Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam.

15. Tài sản dài hạn khác

Khoản ký quỹ thuê tài sản cho Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Chailease.

16. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng ^(a)	316.274.590.921	916.304.434.725
– Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công	114.130.886.974	103.821.139.452

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: lô A, đường 22, khu công nghiệp Sóng Thần II, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý II năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>thương Việt Nam - Chi nhánh Khu công nghiệp Bình Dương</i>		
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế - Chi nhánh Sài Gòn	32.747.134.952	92.704.722.433
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Gò Vấp	235.483.038.575	192.351.903.126
- Ngân hàng thương mại cổ phần nhà Hà Nội		97.255.592.681
- Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn - Chi nhánh Bình Dương	95.031.865.167	238.460.832.313
- Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)	39.504.353.793	42.093.877.000
- Ngân hàng Indovina	40.782.541.000	37.800.000.000
- Ngân hàng thương mại cổ phần Quân Đội	-	111.816.367.720
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác ^(b)	1.326.227.000	1.875.700.000
Vay dài hạn đến hạn trả	-	2.421.003.200
Nợ dài hạn đến hạn trả	680.765.800	850.399.999
Trái phiếu đến hạn	-	100.000.000.000
Cộng	559.686.813.261	1.021.451.537.924

17. Phải trả người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tại Văn phòng Công ty	211.182.784.899	86.698.200.938
Tại Chi nhánh Bà Rịa	32.167.219	32.167.219
Tại Chi nhánh Long Mỹ	5.672.965	20.450.364
Tại Chi nhánh Đà Nẵng	226.620.758	226.620.758
Tại Xí Nghiệp Cơ khí	415.247.662	503.585.142
Tại Chi nhánh Vị Thanh	309.112.312	358.577.216
Cộng	212.171.605.815	87.839.601.637

18. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tại Văn phòng Công ty	9.898.039.880	10.264.219.229
Tại Chi nhánh Bà Rịa	44.857.329	12.984.691
Tại Chi nhánh Long Mỹ	8.701.597	6.315.326
Tại Chi nhánh Đà Nẵng	729.397.419	719.201.089
Tại Chi nhánh Vị Thanh	107.377.774	13.921.195
Cộng	10.788.373.999	11.016.641.530

19. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	22.732.763	29.793.733.918	(29.792.726.383)	23.740.298
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	52.386.607.225	(52.386.607.225)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	9.031.912.884	7.978.350.798	(9.542.731.071)	7.467.532.611
Thuế thu nhập doanh nghiệp	11.052.100.927	14.952.475.374	(11.324.173.792)	14.680.402.509

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: lô A, đường 22, khu công nghiệp Sóng Thần II, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý II năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế thu nhập cá nhân	1.386.328.236	3.469.616.917	(1.374.286.055)	3.481.659.098
Thuế tài nguyên	2.857.600	28.591.200	(31.448.800)	-
Các loại thuế khác	-	7.000.000	(7.000.000)	-
Cộng	21.495.932.410	108.616.375.432	104.458.973.326	25.653.334.516

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Hoạt động sản xuất và thương mại	10%
- Hoạt động xây dựng	10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Xem thuyết minh số IV.16.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

20. Phải trả người lao động

Lương tháng 9 còn phải trả người lao động.

21. Chi phí phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí bảo hiểm nhập hàng hoá	103.730.045	103.730.045
Chi phí lãi vay		3.119.928.170
Chi phí khác		200.000.000
Cộng	103.730.045	3.423.658.215

22. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản thiếu chờ xử lý		312.485.400
Kinh phí công đoàn	129.633.187	103.482.724
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	638.283.325	335.252.843
Công ty TNHH một thành viên tôn Đại Thiên Lộc- thu hộ tiền hàng	2.147.399.707	1.609.449.034
Công ty TNHH một thành viên thép Đại Thiên Lộc - tiền mượn	4.395.390.687	1.957.713.849
Phải trả lâu năm không ai đòi	1.808.308.866	1.808.308.866
Cổ tức phải trả	1.850.550.000	1.847.668.000
Công ty TNHH Đặng Thái Hà - tạm mượn	15.524.742.200	
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.301.159.173	545.975.863
Cộng	27.795.467.145	8.677.015.464

23. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: lô A, đường 22, khu công nghiệp Sóng Thần II, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý II năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Số đầu năm	934.559.553	
Tăng do trích lập từ lợi nhuận trong năm	7.286.406.742	
Tăng khác	54.853.500	
Chi quỹ trong năm	(3.283.951.989)	
Số cuối năm	4.991.867.806	

24. Vay và nợ dài hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay dài hạn ngân hàng	10.927.958.200	10.786.237.200
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Gò Vấp ^(a)	1.023.327.200	1.093.339.200
- Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Khu công nghiệp Sóng Thần ^(b)	9.358.631.000	9.692.898.000
- Ngân hàng thương mại cổ phần Quân Đội	546.000.000	
Cộng	10.927.958.200	10.786.237.200

25. Vốn chủ sở hữu	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu</i>		
Vốn góp của các cổ đông	501.360.900.000	484.974.700.000
Thặng dư vốn cổ phần	160.852.283.540	151.238.500.000
Cổ phiếu quỹ	(58.638.685.584)	(130.000.000)
Cộng	603.574.497.956	636.083.200.000
<i>Cổ phiếu</i>	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	50.136.090	48.497.470
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	50.136.090	48.497.470
- Cổ phiếu phổ thông	50.136.090	48.497.470
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	3.227.840	10.000
- Cổ phiếu phổ thông	3.227.840	10.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	46.908.250	48.487.470
- Cổ phiếu phổ thông	49.908.250	48.487.470
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

Trong kỳ, công ty đã thực hiện chuyển đổi 1.638.620 cổ phiếu từ trái phiếu chuyển đổi

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: lô A, đường 22, khu công nghiệp Sóng Thần II, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý II năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	1.593.182.596.165	1.349.185.210.236
Các khoản giảm trừ doanh thu:	1.745.671.922	1.013.245.269
Doanh thu thuần	1.591.436.924.243	1.348.171.964.967

2. Giá vốn hàng bán

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước
Cộng	1.277.748.277.255	1.119.243.634.755

3. Doanh thu tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước
Cộng	7.690.997.009	137.056.933.403

4. Chi phí tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí tài chính	92.616.544.780	89.303.424.791
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>55.261.993.160</i>	<i>60.510.481.309</i>
Cộng	92.616.544.780	89.303.424.791

5. Chi phí bán hàng

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước
Cộng	12.313.072.836	11.541.862.229

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước
Cộng	18.214.826.859	18.519.284.913

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: lô A, đường 22, khu công nghiệp Sóng Thần II, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý II năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**7. Thu nhập khác**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước
	1.075.282.982	262.073.910
Cộng		

8. Chi phí khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước
	431.988.033	24.931.060
Cộng		

9. Biến động kết quả kinh doanh

STT	Chỉ tiêu	Quý 3 / 2011	Quý 3 / 2010	Chênh lệch	So sánh
01	Doanh thu thuần	363.878.994.534	446.829.761.005	82.950.766.471	-18,56%
02	Lợi nhuận sau thuế	29.622.738.602	35.810.669.527	6.187.930.925	-17.28%

Lợi nhuận sau thuế quý 3 năm 2011 giảm 6.187.930.925 đ tương ứng - 17.28% so với quý 3 năm 2010, nguyên nhân chủ yếu là doanh thu bán hàng quý 3 năm 2011 giảm nhẹ so cùng năm trước do ảnh hưởng khó khăn chung của nền kinh tế.

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại chuẩn mực kế toán số 30 về “Lãi cơ bản trên cổ phiếu” yêu cầu doanh nghiệp phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Bình Dương, ngày 24 tháng 10 năm 2011

**Vũ Thị Vui**
Người lập**Vũ Thành Nam**
Kế toán trưởng**Nguyễn Thanh Nghĩa**
Tổng Giám Đốc

105

106

107

108

109 110

111

112

113

114

115

116

117

118

119

120

121

122

123

124

125 126

127

128

129 130

131

132

133 134

135

136

137

138

139

140

141

142

143

144

145

146